

QUỐC HỘI KHÓA XV
TỔNG THƯ KÝ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1532/TTKQH-GS
V/v báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số
88/2014/QH13 và Nghị quyết số
51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới
CT, SGK GDPT

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2022

VP.UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số:.....
Ngày: 11/10/2022
Chuyển: PAX
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông”, thực hiện chỉ đạo của Đoàn giám sát, Tổng Thư ký Quốc hội trân trọng đề nghị quý Cơ quan chuẩn bị báo cáo theo yêu cầu của Đoàn giám sát (theo Đề cương gửi kèm).

Báo cáo của Quý Cơ quan xin gửi đến Đoàn giám sát trước ngày 01/12/2022 (qua Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội, số 22 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội; kèm theo file điện tử gửi vào email: dungthd@quochoi.vn)¹, đồng thời gửi đến Chính phủ (qua Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp) và gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương để thực hiện giám sát.

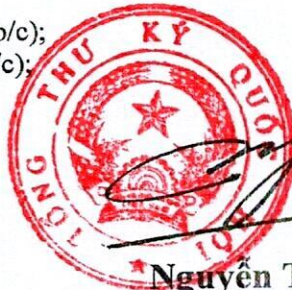
Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của quý Cơ quan.

(Xin gửi kèm theo Kế hoạch chi tiết số 59/KH-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Trần Thanh Mẫn, PCTTTQH, Trưởng ĐGS (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Đức Vinh, CNUBVHGD, PTĐTT (để b/c);
- Đ/c Bùi Văn Cường, TTKQH-CN VPQH (để b/c);
- Các Vụ: VHGD, GS;
- Lưu: HC, VHGD, GS.
- E-pas: 88526

KT. TỔNG THƯ KÝ
PHÓ TỔNG THƯ KÝ



Nguyễn Thị Thúy Ngân

¹ Chi tiết liên hệ: Đ/c Thiều Đức Dũng, Chuyên viên chính Vụ Văn hóa, Giáo dục - Văn phòng Quốc hội, ĐT: 080.46218 hoặc 0912142789.

11

DATE	11/11/11
TIME	11:11
PLACE	11/11
BY	11/11



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và
Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình,
sách giáo khoa giáo dục phổ thông
(Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

Thực hiện Nghị quyết số 581/NQ-UBTVQH15 ngày 29/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông”, Đoàn giám sát đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2014 - 2022 (phần nội dung liên quan đến trách nhiệm của tỉnh, thành phố mình), trong đó cần tập trung xem xét, đánh giá một số nội dung chủ yếu sau đây:

PHẦN I

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Thông tin chung

- Về điều kiện tự nhiên (có tác động tới việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 như: diện tích tự nhiên, địa hình, giao thông, khí hậu...).

- Tình hình kinh tế - xã hội (có tác động tới việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 như: Dân số, hạ tầng cơ sở, tốc độ tăng trưởng kinh tế, GDP bình quân đầu người, tỷ lệ hộ nghèo/cận nghèo; điều kiện phát triển y tế, văn hóa, giáo dục...).

2. Khái quát về tình hình giáo dục phổ thông của địa phương

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 88/2014/QH13 VÀ NGHỊ QUYẾT
51/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO
KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

I. Việc ban hành chính sách, pháp luật và công tác quản lý nhà nước về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong giai đoạn 2014 - 2022 tại địa phương

1. Đánh giá việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương để triển khai Nghị quyết 88, Nghị quyết 51

2. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương về chương trình, sách giáo khoa mới

3. Việc tuyên truyền đổi mới chương trình, sách giáo khoa tại địa phương

4. Việc quán triệt, chỉ đạo tổ chức thực hiện; công tác thanh tra, kiểm tra

II. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13, Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của địa phương

1. Đánh giá việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Đánh giá về Chương trình giáo dục phổ thông 2018:

- Tính phù hợp về mục tiêu, yêu cầu đổi mới;
- Tính khả thi (*thuận lợi, khó khăn, vướng mắc đối với cơ sở giáo dục, giáo viên và học sinh phổ thông trong quá trình triển khai thực hiện*);
- + Mức độ phù hợp với điều kiện của địa phương, điều kiện cụ thể của các cơ sở giáo dục trên địa bàn;
- + Tính phù hợp với khả năng tiếp thu của các đối tượng học sinh.

b) Về triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018:

- + Việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục;
- + Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá;
- + Việc đổi mới phương pháp dạy học;
- + Việc đổi mới về quản trị các cơ sở giáo dục.

2. Đánh giá sách giáo khoa giáo dục phổ thông và việc xây dựng tài liệu giáo dục của địa phương

a) Đánh giá về sách giáo khoa

- Về chất lượng, nội dung sách giáo khoa giáo dục phổ thông (*sự phù hợp, mục tiêu, yêu cầu, đối tượng học sinh*);
- Sự phù hợp của giá sách giáo khoa đối với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức sống của người dân.

b) Việc lựa chọn sách giáo khoa

- Việc lựa chọn sách giáo khoa tại địa phương (*thuận lợi, khó khăn, bất cập*);
- Việc thực hiện xã hội hóa sách giáo khoa (*ưu điểm, khó khăn, bất cập*).

c) Việc phát hành sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trên địa bàn (về phương thức phát hành, tiến độ cung ứng sách, thuận lợi, khó khăn...).

d) Việc xây dựng, biên soạn, thẩm định, in và phát hành tài liệu giáo dục của địa phương.

3. Đánh giá các điều kiện bảo đảm triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Về đội ngũ nhà giáo

- Số lượng, cơ cấu (*thừa, thiếu, dự báo nhu cầu...*);

- Chất lượng (chuẩn trình độ, công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018);
- Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên, hợp đồng lao động;
- Về việc bố trí giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Khả năng đáp ứng cơ sở vật chất: Khối phòng học tập (phòng học, phòng học bộ môn...); khối phòng hỗ trợ học tập (thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng tư vấn học đường...); khối phụ trợ (phòng y tế trường học, khu vệ sinh...); khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt (nhà bếp, nhà ăn, phòng nội trú...); khả năng đáp ứng học 2 buổi/ngày.
- Khả năng đáp ứng về trang thiết bị dạy học.

4. Về kinh phí thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

- Kinh phí đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 (kinh phí cho xây dựng, thẩm định tài liệu địa phương; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất cho đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, ...).
- Đánh giá việc thực hiện quy định về ưu tiên hỗ trợ đầu tư kinh phí cho các địa phương miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.
- Đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước trong thực hiện các Đề án được phân công trên phạm vi địa bàn liên quan đến đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
- Việc bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện các điều kiện bảo đảm triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (số liệu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên đối với giáo dục phổ thông; kinh phí đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, có bảng biểu phụ lục cụ thể).
- Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa khác huy động đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tại địa phương.

III. Đánh giá chung

1. Đánh giá về kết quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tại địa phương

- Kết quả bước đầu, hạn chế, khó khăn, vướng mắc;

- Nguyên nhân của những kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế.

2. Trách nhiệm của các cơ quan Trung ương, địa phương trong việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

3. Những bài học kinh nghiệm của địa phương trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13, Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội.

PHẦN III

GIẢI PHÁP, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

Đề xuất các nhóm giải pháp khắc phục để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Quốc hội về việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong những năm tới:

- Nhóm giải pháp về xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật.
- Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Nhóm giải pháp về đầu tư nguồn lực cho công tác bảo đảm chất lượng giáo dục phổ thông (*con người, tài chính, cơ sở vật chất,...*).

2. Kiến nghị

- Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- Đối với Chính phủ, bộ, cơ quan Trung ương
- Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

PHỤ LỤC

Các Bảng biểu, số liệu thống kê của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tài liệu khác (nếu có).

*

* *

Căn cứ vào Kế hoạch giám sát chi tiết số 59/KH-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chuẩn bị báo cáo theo Đề cương và các tài liệu có liên quan để cung cấp cho Đoàn giám sát.

VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN, TRIỂN KHAI
“Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và
Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình,
sách giáo khoa giáo dục phổ thông”
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /.../2022 của UBND...)

STT	Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
I.	Tỉnh ủy/Thành ủy			
1				
2				
3				
.....				
II.	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh			
1				
2				
3				
.....				
III.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
1				
2				
3				
.....				

Phụ lục 3: Số liệu về cơ sở vật chất các cấp học phổ thông
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /.../2022 của UBND tỉnh/thành phố...)

1. Tiểu học

TT	Cơ sở vật chất	Đơn vị	Hiện trạng				Số phòng/nhà, hạng mục... cần bổ sung
			Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	
			$a=b+d+g+i$	b	d	g	i
1	Khối phòng học tập						
	- Phòng học	phòng					
	Chia ra: + Phòng học tại trường chính	phòng					
	+ Phòng học tại điểm trường	phòng					
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật	phòng					
	- Phòng học bộ môn Khoa học- Công nghệ	phòng					
	- Phòng học bộ môn Tin học	phòng					
2	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng					
	- Phòng đa chức năng	phòng					
	Khối phòng hỗ trợ học tập						
	- Thư viện	phòng					
	- Phòng thiết bị giáo dục	phòng					
	- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng					
	- Phòng truyền thống	phòng					
3	- Phòng Đội Thiếu niên	phòng					
	Khối phòng hành chính quản trị						
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng					
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng					
	- Văn phòng	phòng					
	- Phòng bảo vệ	phòng					
	- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu					
4	- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu					
	Khối phụ trợ						
	- Phòng họp	phòng					

	- Nhà Y tế trường học	phòng							
	- Nhà kho	nhà							
	- Khu để xe học sinh	khu							
	- Khu vệ sinh học sinh	khu							
	- Cổng, hàng rào	hàng mục							
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao								
	- Sân chơi chung	sân							
	- Sân thể dục thể thao	sân							
6	Khối phục vụ sinh hoạt								
	- Nhà bếp	nhà							
	- Kho bếp	kho							
	- Nhà ăn	phòng							
	- Nhà ở nội trú	nhà							
	- Phòng quản lý học sinh	phòng							
7	Các công trình khác								
	- Phòng nghỉ giáo viên	phòng							
	- Phòng giáo viên	phòng							
	- Nhà đa năng	nhà							
	- Phòng sinh hoạt chung	phòng							

2. Trung học cơ sở

TT	Cơ sở vật chất	Đơn vị	Hiện trạng				Nhờ, mượn, thuê	Số phòng/nhà, hạng mục... cần bổ sung
			Tổng số $a=b+d+g+i$	Kiên cố b	Bán kiên cố d	Tạm g		
1	Khối phòng học tập	phòng					i	
	- Phòng học	phòng						
	Chia ra: + Phòng học tại trường chính	phòng						
	+ Phòng học tại điểm trường	phòng						
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng						
	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	phòng						
	- Phòng học bộ môn Công nghệ	phòng						
	- Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	phòng						
	- Phòng học bộ môn Tin học	phòng						
	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng						
	- Phòng đa chức năng	phòng						

[illegible]

	- Nhà văn hóa	nhà							
--	---------------	-----	--	--	--	--	--	--	--

3. Trung học phổ thông

TT	Cơ sở vật chất	Đơn vị	Hiện trạng				Số phòng/nhà, hạng mục... cần bổ sung
			Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê
			$a=b+d+g+i$	b	d	g	i
1	Khối phòng học tập	phòng					
	- Phòng học	phòng					
	Chia ra: + Phòng học tại trường chính	phòng					
	+ Phòng học tại điểm trường	phòng					
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng					
	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	phòng					
	- Phòng học bộ môn Công nghệ	phòng					
	- Phòng học bộ môn Tin học	phòng					
	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng					
	- Phòng đa chức năng	phòng					
	- Phòng học bộ môn Vật lý	phòng					
	- Phòng học bộ môn Hóa học	phòng					
	- Phòng học bộ môn Sinh học	phòng					
2	Khối phòng hỗ trợ học tập						
	- Thư viện	phòng					
	- Phòng thiết bị giáo dục	phòng					
	- Phòng tư vấn học đường	phòng					
	- Phòng truyền thống	phòng					
	- Phòng Đoàn Thanh niên	phòng					
3	Khối hành chính quản trị						
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng					
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng					
	- Văn phòng	phòng					
	- Phòng bảo vệ	phòng					
	- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu					
	- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu					
4	Khối phụ trợ						
	- Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường	phòng					
	- Phòng các tổ chuyên môn	phòng					

	- Phòng Y tế học đường	phòng							
	- Nhà kho	nhà							
	- Khu để xe học sinh	khu							
	- Khu vệ sinh học sinh	khu							
	- Cổng, hàng rào	hàng mục							
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao								
	- Sân chơi chung	sân							
	- Sân thể dục thể thao	sân							
6	Khối phục vụ sinh hoạt								
	- Nhà bếp	nhà							
	- Kho bếp	kho							
	- Nhà ăn	nhà							
	- Nhà ở nội trú học sinh	nhà							
	- Phòng quản lý học sinh	phòng							
	- Phòng sinh hoạt chung	phòng							
7	Hàng mục khác								
	- Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng							
	- Phòng nghi giáo viên	phòng							
	- Phòng giáo viên	phòng							
	- Nhà đa năng	nhà							
	- Nhà văn hóa	nhà							

Năm học:

[illegible]

Phụ lục 5

(kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh, thành phố)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA TOÀN TỈNH

TT	MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC	NĂM 2021				NĂM 2022			
		Nhà xuất bản..... (bộ sách)		Nhà xuất bản..... (bộ sách)		Nhà xuất bản..... (bộ sách)		Nhà xuất bản..... (bộ sách)	
		Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn
I	Tiểu học								
	Môn Toán								
	Môn.....								
	...								
II	Trung học cơ sở								
	Môn Toán								
	Môn.....								
	...								
III	Trung học phổ thông								
	Môn Toán								
	Môn.....								
	...								

Phụ lục 6: TỔNG HỢP SỐ LIỆU BỐ TRÍ KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SGK GDPT GIAI ĐOẠN 2015-2022
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày .../.../20... của tỉnh, thành phố.....)

[illegible]

Kính phí quyết toán giai đoạn 2015-2020 (chia theo từng năm)																					
STT	Tên Đề án/Chi tiết hoạt động	Đề án phê duyệt/ Dự kiến			Năm 2015						Năm 20....						Kính phí đã thực hiện lũy kế đến hết năm 2022				Ghi chú
		Quy mô/SP	Kính phí được phê duyệt/Dự kiến tổng nhu cầu (Tỷ đồng)		Đơn vị tính	Số lượng	NSTW	NSDP	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Nguồn vay nợ, viện trợ	Nguồn XHH	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Nguồn vay nợ, viện trợ	Nguồn XHH	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Nguồn vay nợ, viện trợ	Nguồn XHH	
3.2	Kính phí mua sắm trang thiết bị, csvc từ nguồn chi thường xuyên																				
3.3	Kính phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030																				
3.4	Kính phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025																				
3.5	Kính phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025																				
3	Kính phí biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương																				
4	Các Chương trình, Đề án, dự án khác được Thủ tướng chính phủ giao, nhiệm vụ địa phương thực hiện đối mới CT, SGK GDPT (nếu cụ thể tên Chương trình, Đề án, dự án, nhiệm vụ.....).																				
4.1																					
4.2																					
.....																					

(*) Bộ/ngành có Phụ lục báo cáo riêng theo từng đề án, dự án

NGƯỜI LẬP BẢNG

..... ngày.....tháng.....năm.....